TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 4 – 2023
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 105/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 124, tổ 1, ấp VP, xã VL, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trương Minh H, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 124, tổ 1, ấp VP, xã VL, huyện AP, tỉnh An Giang.

Người làm chứng: Bà Trương Thị Kim T, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp VP, xã VL, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị L và bà Trương Thị Kim T có mặt, ông Trương Minh H vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 16/02/2023 của bà Nguyễn Thị L; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H do mai mối nên quen biết, sau đó được gia đình cho tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2000 và đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện AP. Thời gian đầu vợ chồng sống tương đối hạnh phúc, thời điểm đó ông H dù có cờ bạc, rượu chè nhưng vẫn có chăm lo làm ăn, thỉnh thoảng có hành vi bạo lực gia đình với bà L, kêu bà L đưa tiền nhưng bà L có thể chịu đựng được. Tuy nhiên, từ khoảng hai năm nay thì ông H hoàn toàn chỉ cờ bạc, rượu chè gây nợ nần, không chăm lo cho gia đình, thường xuyên yêu cầu bà L phải đưa tiền để trả nợ, nếu không thì đánh đập bà L, đôi khi dùng dao đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của bà L. Gia đình nhiều lần khuyên can nhưng ông H không thay đổi. Do lo sợ nên bà L và mẹ của ông H là bà Nguyễn Thị Chí đã đến sống cùng gia đình chị chồng là bà Trương Thị Kim T từ đầu tháng 02/2023 đến nay. Sau khi biết bà L trình báo sự việc đến Công an và khởi kiện ly hôn đến Tòa án thì ông H bỏ đi Phú Quốc. Do không thể chung sống cùng ông H nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thị Bích P, sinh ngày 26/8/2001 (đã trưởng thành, khỏe mạnh) và Trương Minh Q, sinh ngày 23/11/2011. Hiện cháu Q đang sống cùng bà L. Cháu Q từ khi sinh ra đã bị khuyết tật, kém phát triển bẩm sinh, hiện nay lại bị đục thủy tinh thể, bị tim, câm, điếc. Lúc nào cũng cần có người chăm sóc. Con cái như vậy nhưng ông H cũng không phụ giúp gì cho bà L, chỉ ăn chơi, đòi tiền, khi không đưa thì đánh đập, đe dọa đến tính mạng sức khỏe của bà L. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Minh Q, không yêu cầu ông H cấp dưỡng để nuôi con chung do bản thân ông H không có nghề nghiệp để tạo thu nhập nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Trương Minh H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 29/3/2023 nhưng ông H vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H, ông H cũng không cung cấp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Ngày 29/3/2023, bà L có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận đi làm và chăm sóc con cái bị khuyết tật.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà L giao nộp: Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 70 quyển số 01 ngày 11/11/2002 của Ủy ban nhân dân xã VL, huyện AP; bản sao Giấy khai sinh mang tên Trương Thị Bích P, sinh ngày 26/8/2001; bản sao Giấy khai sinh mang tên Trương Minh Q, sinh ngày 23/11/2011; bản sao Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị L; bản photo Sổ lĩnh tiền Trợ cấp xã hội của cháu Trương Minh Q; bản photo Giấy ra viện mang tên Trương Minh Q; bản photo Sổ khám bệnh của Bệnh viện Tim Tâm Đức mang tên Trương Minh Q; bản tự khai mang tên Trương Thị Bích P kèm căn cước công dân; bản chính Đơn yêu cầu đề ngày 29/3/2023.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 29/3/2023; biên bản xác minh tại Công an xã VL, huyện AP ngày 28/3/2023.

Tại phiên tòa,

Bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà Trương Thị Kim T giữ nguyên lời trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 29/3/2023, xác nhận ông H nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án.

Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 29/3/2023, bà Trương Thị Kim T cho biết: Bà T là chị ruột của ông Trương Minh H, bà T biết rõ mâu thuẫn gia đình giữa bà L và ông H nên bà yêu cầu Tòa án ghi nhận lời khai của bà T.

Về quan hệ hôn nhân: Về nguyên nhân và điều kiện đi đến hôn nhân, khoảng thời gian kết hôn, khoảng thời gian chung sống cũng như những mâu thuẫn gia đình giữa bà L và ông H đúng như lời trình bày của bà L. Từ tháng 02/2023 thì bà L và mẹ của bà T là bà Nguyễn Thị C về nhà của bà T sống do lo sợ ông H hành hung, đánh đập, gây hại đến tính mạng của cả hai. Do đó, bà T cũng có yêu cầu Tòa án sớm giải quyết cho bà L được ly hôn với ông H. Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thị Bích P, sinh năm 2001 (đã trưởng thành, khỏe mạnh), Trương Minh Q, sinh năm 2011. Hiện cháu Q đang sống cùng bà L. Cháu Q từ khi sinh ra đã bị khuyết tật, kém phát triển bẩm sinh, hiện nay lại bị đục thủy tinh thể, bị tim, câm, điếc. Lúc nào cũng cần có người chăm sóc. Về tài sản chung, nợ chung: Không rõ.

- Theo bản tự khai người làm chứng ngày 20/3/2023, bà Trương Thị Bích P cho biết: Bà Bích P là con ruột của bà L và ông H, bà Bích P biết rõ mâu thuẫn gia đình giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trương Minh H nên bà P trình bày ý kiến đến Tòa án. Cha mẹ bà chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là cha bà thường cờ bạc, rượu chè khi say sỉn thường xuyên về nhà có hành vi bạo lực gia đình với mẹ bà, đe dọa đến sức khỏe, tính mạng của mẹ bà. Bản thân cha bà không chăm lo làm ăn, sống phụ thuộc vào mẹ bà. Mặc dù gia đình khó khăn, bản thân em bà chậm phát triển từ nhỏ, mẹ bà phải vừa chăm sóc em bà, vừa chăm lo cho gia đình nhưng cha bà vẫn không cảm thông, thay đổi tính tình. Gia đình cũng nhiều lần khuyên nhủ cha bà nhưng cha bà vẫn không thay đổi. Do đó, bà đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho cha và mẹ bà được ly hôn.

- Theo biên bản xác minh ngày 28/3/2023, đại diện Công an xã VL, huyện AP cho biết: Ông Trương Minh H, sinh năm 1976 có đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại địa chỉ: Ấp VP, xã VL, huyện AP, tỉnh An Giang. Ông H sinh sống cùng mẹ ruột và vợ, con.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AP:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông Trương Minh H vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa bà L và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly

hôn của bà L theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thị Bích P, sinh ngày 26/8/2001 (đã trưởng thành, khỏe mạnh) và Trương Minh Q, sinh ngày 23/11/2011. Hiện cháu Q đang sống cùng bà L. Cháu Q từ khi sinh ra đã bị khuyết tật, kém phát triển bẩm sinh, lúc nào cũng cần có người chăm sóc. Do đó, đề nghị giao cháu Trương Minh Q cho bà L được trực tiếp nuôi dạy, do bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị công nhận sự tự nguyện của bà L. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L khai không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết. Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo luật định, ông H không phải chịu án phí.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Trương Minh H đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông H đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Trương Minh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Ấp VP, xã VL, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L và ông H do mai mối nên quen biết, sau đó được gia đình cho tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2000 và đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện AP, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống, bà L và ông H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H không chăm lo cho gia đình, chỉ cờ bạc, rượu chè gây nợ nần, có hành vi bạo lực gia đình, dùng dao đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của bà L. Gia đình nhiều lần khuyên can nhưng ông H không thay đổi. Những mâu thuẫn gia đình mà bà L trình bày được những người làm chứng xác nhận là đúng sự thật.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích xây dựng gia đình

hạnh phúc, bền vững. Tuy nhiên, ông H đã có sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng khi có hành vi bạo lực gia đình đối với bà L, có hành vi đe dọa đến tính mạng và sức khỏe của bà L, không có sự quan tâm chăm lo gia đình mặc dù con chung là cháu Trương Minh Q bị khuyết tật bẩm sinh. Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà L và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông H có 02 (hai) con chung tên Trương Thị Bích P, sinh ngày 26/8/2001 và Trương Minh Q, sinh ngày 23/11/2011. Hiện cháu P đã trưởng thành, khỏe mạnh và có khả năng lao động nên không đề cập giải quyết. Riêng cháu Q bị khuyết tật bẩm sinh và đang sống cùng bà L.

Xét thấy cháu Q hiện nay đã đủ 07 tuổi trở lên, nhưng cháu Q từ khi sinh ra đã bị khuyết tật, kém phát triển bẩm sinh, hiện nay lại bị đục thủy tinh thể, bị tim, câm, điếc. Lúc nào cũng cần có người chăm sóc. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Q nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận để bà L được trực tiếp nuôi dạy cháu Q.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho bà L về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người không trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung, nhưng bà L vẫn giữ nguyên ý kiến của mình về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của bà L trong việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Trương Minh H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Nguyễn Thị L. Ngược lại, bà Nguyễn Thị L cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trương Minh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên nếu sau này ông H có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Trương Minh H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà L và ông H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các điều 53, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Trương Minh H.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Trương Minh Q, sinh ngày 23/11/2011. Ông Trương Minh H không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Ông Trương Minh H cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Nguyễn Thị L. Ngược lại, bà Nguyễn Thị L cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trương Minh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008162 ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang.

Ông Trương Minh H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bà Nguyễn Thị L, vắng mặt ông Trương Minh H. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Trương Minh H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyển số 01 ngày 11/11/2002 của Ủy ban nhân dân xã VL, huyện AP, tỉnh An Giang cấp cho ông Trương Minh H và bà Nguyễn Thị L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện AP;
- THADS huyện AP;
- UBND xã VL, huyện AP;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tuân